

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2019
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

2. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Văn Bé S, sinh năm 1987 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1990 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Dương Văn Bé S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T có tự tìm hiểu nhau trước thời gian khoảng vài tháng và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới cho anh, chị năm 2007 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì anh, chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đến khoảng tháng 11/2017 thì anh, chị luôn bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên anh, chị thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh, chị cũng nhiều

lần hàn gắn tình cảm nhưng không được và anh, chị đã sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Nay tình cảm giữa anh và chị T không hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Dương Thị Diễm M sinh ngày 23/01/2008 (Diễm M đang sống với chị T). Khi ly hôn, anh S đồng ý giao con tên Diễm M cho chị T nuôi dưỡng, anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng tính từ tháng 7/2019 đến khi Diễm M đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Anh S và chị T trình bày không có.

Về nợ: anh S và chị T trình bày không thiếu nợ.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S có tự tìm hiểu nhau trước thời gian khoảng vài tháng, sau đó được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới cho anh, chị năm 2007 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì anh, chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trong cuộc sống hàng ngày của gia đình và luôn bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên anh, chị thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh, chị cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được và anh, chị đã sống ly thân khoảng từ tháng 12/2017 đến nay, nên chị T đồng ý ly hôn với anh S.

Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Dương Thị Diễm M sinh ngày 23/01/2008 (Diễm M đang sống với chị T). Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con tên Diễm M và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng tính từ tháng 7/2019 đến khi Diễm M đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Anh S và chị T trình bày không có.

Về nợ: anh S và chị T trình bày không thiếu nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Dương Văn Bé S yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T, yêu cầu giải quyết về con, về cấp dưỡng nuôi con. Đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng được quy định tại khoản 1, 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn cư trú tại địa bàn ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Văn Bé S với chị Nguyễn Thị Mỹ T là hoàn toàn tự nguyện và anh, chị đồng ý ly hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh S với chị T là phù hợp theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 .

Về nuôi con chung:

Tại phiên tòa, anh Dương Văn Bé S và chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày trong thời gian chung sống anh, chị có một người con tên Dương Thị Diễm M sinh ngày 23/01/2008, con hiện nay sống với chị T. Anh S đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng và chị T có yêu cầu được nuôi con.

Xét thấy, sự thỏa thuận nuôi con của anh, chị không trái pháp luật. Mặt khác, tại tờ tường trình ngày 28/6/2019 cháu Dương Thị Diễm M có nguyện vọng sống với chị T, nên chấp nhận giao cháu Diễm M cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Dương Thị Diễm M sinh ngày 23/01/2008 số tiền 2.000.000đồng/tháng tính từ tháng 7/2019 đến khi cháu Diễm M đủ 18 tuổi, chị T đồng ý theo sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh S, nghĩ nên chấp nhận sự thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung: Anh Bé S và chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh Bé S và chị T trình bày không thiếu nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Dương Văn Bé S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Dương Văn Bé S với chị Nguyễn Thị Mỹ T.

2. Về nuôi con chung:

Giao con tên Dương Thị Diễm M sinh ngày 23/01/2008 (Diễm M hiện đang sống với chị T) cho chị Nguyễn Thị Mỹ T tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng: Anh Dương Văn Bé S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Dương Thị Diễm M sinh ngày 23/01/2008 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2019 đến khi Diễm M đủ 18 tuổi.

3. Về án phí sơ thẩm:

Anh Dương Văn Bé S phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là: 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2018/0000526 ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, anh Bé S còn phải nộp tiếp 300.000đồng án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hứa Quang Thông